TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2026/HNGĐ-PT
Ngày: 21/10/2026
V/v tranh chấp xác định nghĩa vụ trả nợ của vợ chồng sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mạc Thị Chiên;

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Minh Trang;

Bà Hà Thị Phương Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Mỹ Nhiên– Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Nhi- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2026/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2026, về việc: "Tranh chấp xác định nghĩa vụ trả nợ của vợ chồng sau khi ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình số 161/2026/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1792/2026/QĐ-PT ngày 15 tháng 9 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1992. Địa chỉ thường trú: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ. Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Mai Công N, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số F, đường số B, phường T, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngân hàng Thương mại Cổ phần S. Địa chỉ: Số B đường N, phường X, thành phố Hồ Chí Minh. Nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S. Địa chỉ: Số D- D- D N, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Thành T- Trưởng phòng G; Địa chỉ liên hệ: 2 P, ấp T, phường P, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1959. Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ. (chết ngày 22/7/2026)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị L1:

2.1 Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

2.2 Bà Nguyễn Thúy N1, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu L và bị đơn bà Nguyễn Thị H trước đây là vợ chồng, nhưng ông L và bà H đã ly hôn theo Bản án số 05/2025/HNGĐ-ST ngày 08/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung, hợp đồng tín dụng và đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong Bản án nêu trên Tòa án đã tuyên về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và về nợ chung. Tuy nhiên, đối với khoản vay theo hợp đồng tín dụng số: 202326974194 ngày 24/02/2023 của Ngân hàng thương mại cổ phần S (hiện nay là Ngân hàng thương mại cổ phần S) thì ông L và bà H sẽ tự thỏa thuận mỗi bên sẽ trả 50% số tiền nợ và 50% lãi suất theo hợp đồng tín dụng nêu trên, đồng thời tất toán khoản vay để nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 565959, số cấp vào sổ cấp GCN: CH00213 thuộc thửa đất số 753, tờ bản đồ số 04 để trả lại cho mẹ ông L là bà Nguyễn Thị L1 vì bà L1 đã dùng tài sản riêng của mình cho ông L và bà H mượn để đảm bảo khoản vay nêu trên theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 202302222062961 ngày 24/02/2023 giữa Ngân hàng S với bà Nguyễn Thị L1. Nay bà H không thực hiện việc trả nợ theo thỏa thuận nên ông L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia nợ chung trong thời kỳ hôn nhân cụ thể như sau:

Yêu cầu Tòa án xem xét chia đôi số tiền nợ chung, mỗi người chịu trách nhiệm đối với ½ số nợ và lãi phát sinh. Yêu cầu bà H trả lại cho ông L 40.000.000đồng tiền lãi mà ông L đã trả cho ngân hàng từ khi ly hôn đến nay.

* Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Thị H trình bày:

Bà H thống nhất với ý kiến trình bày của đại diện nguyên đơn về việc trước đây bà H với ông Nguyễn Hữu L có quan hệ là vợ chồng, nhưng bà và ông L đã ly hôn theo Bản án số 05/2025/HNGĐ-ST ngày 08/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ, cũng như việc vào năm 2023 bà và ông L có cùng ký tên trên

hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần S để vay vốn với số tiền: 1.000.000.000 đồng và có thế chấp quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị L1 để đảm bảo cho việc vay vốn như đại diện nguyên đơn trình bày là đúng.

Tuy nhiên, nay qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà H không đồng ý chia nợ như nguyên đơn yêu cầu, bởi vì khoản vay này là một mình cá nhân ông L đứng ra giao dịch và nhận tiền với ngân hàng, sau khi vay vốn thì ông L dùng một phần số tiền vay ngân hàng đem cho bà Nguyễn Thị Hoa C mượn 500.000.000 đồng theo tờ biên nhận mượn tiền ngày 05/8/2024, số tiền 500.000.000 đồng còn lại ông L sử dụng kinh doanh làm ăn nhưng kinh doanh vào việc gì thì bà không biết, vì khi đó là vợ chồng bà chỉ đứng ra ký tên cho ông L để cho ông L được vay vốn, chứ bà không có sử dụng đến số tiền này. Bà H xác định, trong thời gian chung sống bà chỉ có nghĩa vụ ở nhà chăm lo cơm nước và lo cho con, còn thu nhập chính của gia đình thì do ông L đi làm kiếm được về chăm lo cho gia đình. Do đó, bà H xác định khoản nợ 1.000.000.000 đồng tại Ngân hàng thương mại cổ phần S là khoản nợ riêng của ông L nên ông L có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng, bà không đồng ý cùng với ông L trả nợ cho ngân hàng.

* Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại cổ phầS (ghi tắt là TMCP) Sài Gòn T trình bày như sau:

Ngày 24/02/2023 ông Nguyễn Hữu L và bà Nguyễn Thị H có ký hợp đồng tín dụng vay vốn tại Ngân hàng TMCP S – chi nhánh C1 – Phòng G theo hợp đồng tín dụng số 202326974194 ngày 24/02/2023, số tiền vay 1.000.000.000 đồng, thời hạn cấp hạn mức 36 tháng (từ 24/02/2023 đến 23/02/2026) có tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp số 202302222062961 ngày 24/02/2023, mục đích vay bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp. Thực hiện hợp đồng ngân hàng đã giải ngân và ông L, bà H cũng nhận đủ số tiền theo các giấy nhận nợ ngày 14/7/2025 và ngày 16/7/2025 vì vậy ngân hàng xác định đây là khoản nợ chung của ông L và bà H. Quá trình thực hiện hợp đồng thì ông L và bà H thực hiện đúng nghĩa vụ đã cam kết và hiện nay khoản nợ chưa bị quá hạn.

Do hợp đồng tín dụng của ông L và bà H đến tháng 7/2026 mới đến hạn thanh toán tất nợ, vì vậy Ngân hàng TMCP S – chi nhánh C1 – Phòng G xác định không có yêu cầu độc lập đối với khoản vay 1.000.000.000 đồng của ông L và bà H trong cùng vụ án này. Ngân hàng sẽ tự thương lượng giải quyết với ông L và bà H, trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

* Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L1 trình bày như sau:

Bà Nguyễn Thị L1 là người ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số CH00213 do Ủy ban nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ cấp ngày 10/8/2010, chỉnh lý sang tên Nguyễn Thị L1 ngày 24/9/2018 để bảo đảm cho khoản nợ vay của ông L và bà H, khi đó ông L và bà H còn là vợ chồng. Sau khi ly hôn, đây vẫn là nợ chung của ông L và bà H. Trong vụ án này bà không có yêu cầu gì, đồng ý để con trai là Nguyễn Hữu L toàn quyền quyết định.

* Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 161/2026/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ xét xử và quyết định như sau:

- Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Hữu L đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị H. Ông Nguyễn Hữu L, bà Nguyễn Thị H mỗi người có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S ½ (một phần hai) số tiền nợ gốc và ½ (một phần hai) tiền lãi phát sinh từ ngày 30 tháng 5 năm 2026 cho đến khi thanh toán hết nợ khi Ngân hàng Thương mại cổ phần S có yêu cầu. Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Hữu L số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

- Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí dân sự, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 27 tháng 7 năm 2026, bị đơn bà Nguyễn Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 161/2026/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 6 năm 2026, yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, giải quyết theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn ông L đã thanh toán toàn bộ khoản nợ vay cho Ngân hàng nên ông L yêu cầu bị đơn bà H trả lại cho ông ½ số tiền nợ gốc và lãi.

- Phía bị đơn trình bày: Yêu cầu hủy án sơ thẩm vì cấp sơ thẩm tuyên bà H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng ½ tiền nợ gốc và tiền lãi là không đúng. Đồng thời, phía bị đơn không đồng ý với yêu cầu của của ông L tại phiên tòa.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Xét kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về việc tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền gốc 500 triệu đồng và lãi do nguyên đơn đã trả hết nợ vay cho Ngân hàng, tuy nhiên nguyên đơn chưa cung cấp được hồ sơ tất toán nợ và xóa thế chấp nên không có căn cứ giải quyết trong vụ án này, trường hợp có phát sinh tranh chấp về số tiền nợ vay này thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo đúng quy định của pháp luật về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn theo trình tự phúc thẩm.

Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu L cung cấp Trích lục khai tử của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L1, thể hiện bà L1 chết ngày 22/7/2026. Căn cứ Biên bản lấy lời khai ngày 09/10/2026, Tờ khai tình trạng hộ tịch của bà Nguyễn Thị L1 do ông Nguyễn Hữu L cung cấp, Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ Điều 74 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), xác định những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị L1 gồm ông (bà) Nguyễn Hữu L, Nguyễn Thúy N1 và đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị L1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP S vắng mặt lần thứ hai không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Bản án sơ thẩm còn có sai sót trong phần tuyên án cũng như thiếu nội dung tuyên so với nội dung đã nhận định trong phần nhận định của Tòa án. Tuy nhiên, sau đó đã có Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án phù hợp, đúng với bản chất vụ việc, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho đương sự nên Hội đồng xét xử chỉ đề nghị rút kinh nghiệm với cấp sơ thẩm và chấp nhận nội dung quyết định điều chỉnh, sửa chữa, bổ sung bản án mà không phải tuyên sửa bản án sơ thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị H, về việc yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

[2.1] Ngày 24/02/2023, ông Nguyễn Hữu L và bà Nguyễn Thị H ký hợp đồng tín dụng số 202326974194 tại Ngân hàng TMCP S (nay là Ngân hàng TMCP S)– Chi nhánh C1 – Phòng G (gọi tắt là Ngân hàng) để vay số tiền là 1.000.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp. Tại Bản án số 05/2025/HNGĐ-ST ngày 08/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ giải quyết quan hệ hôn nhân, con chung, chia tài sản chung của ông L và bà H, tuy nhiên chưa giải quyết về khoản nợ vay này. Do đó, nguyên đơn ông L khởi kiện yêu cầu xác định phần nghĩa vụ của bà H trong khoản nợ vay 1.000.000.000 đồng tại Ngân hàng và yêu cầu bà H trả cho ông L 40.000.000 đồng tiền lãi mà ông L đã trả trong thời gian từ tháng 7/2025 đến ngày 29/5/2026. Phía bị đơn bà H không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông L vì cho rằng khoản nợ vay 1.000.000.000 đồng nêu trên là nợ riêng của ông L.

[2.2] Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quy định tại các điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử phúc thẩm có cơ sở xác

định: Khoản nợ vay Ngân hàng 1.000.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 202326974194, ngày 24/02/2023 do ông L, bà H cùng ký tên vay là khoản vay hình thành trong thời kỳ hôn nhân được xác định là nợ chung của vợ chồng nên ông L, bà H có nghĩa vụ liên đới thanh toán đối với khoản nợ này. Bị đơn bà H cho rằng khoản nợ này là nợ riêng của ông L nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Do đó, yêu cầu khởi kiện của L là có cơ sở, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, xác định bà H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng ½ tiền nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số 202326974194, ngày 24/02/2023 và lãi phát sinh từ ngày 30/5/2026 cho đến khi thánh toán hết nợ, nhằm ràng buộc trách nhiệm trả nợ riêng của bà H đối với khoản vay chung của vợ chồng khi còn trong thời kỳ hôn nhân là phù hợp. Ngoài ra, cấp sơ thẩm buộc bà H trả cho ông L 40.000.000 đồng tiền lãi mà ông L đã trả, là có căn cứ. Bị đơn H yêu cầu hủy bản án sơ thẩm là không có cơ sở.

[2.3] Tại phiên tòa, nguyên đơn ông L xác định đã thanh toán toàn bộ phần nợ vay cho Ngân hàng, đồng thời cung cấp hồ sơ thanh toán nợ cho Ngân hàng gồm Sổ phụ tài khoản tiền gửi không kỳ hạn từ ngày 01/5/2026 đến ngày 31/8/2026, Sổ phụ tài khoản tiền gửi không kỳ hạn ngày 17/7/2026. Từ đó, ông L yêu cầu phía bị đơn hoàn trả lại ½ khoản nợ chung cho ông. Xét thấy, đây là trường hợp phát sinh tình tiết mới, nhưng về bản chất vụ việc thì bà H vẫn phải có nghĩa vụ chung đối với khoản vay chung của vợ chồng. Tuy nhiên, đây là yêu cầu mới khác với yêu cầu khởi kiện ban đầu, nên nếu ông L đã hoàn trả toàn bộ khoản nợ vay cho Ngân hàng thì ông L có quyền đòi bà H phải hoàn trả lại số tiền bằng việc khởi kiện thành vụ kiện khác.

[3] Từ những nhận định trên, căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bị đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H. Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 161/2026/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ.

2. Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ với số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001505 ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

3. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Cần Thơ;
- TAND khu vực 14- Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 14 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Mạc Thị Chiên